

QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ VÀ LỐI SỐNG ẨN DẬT CỦA NGUYỄN DŨ QUA *CHUYỆN ĐỐI ĐÁP CỦA NGƯỜI TIÊU Ở NÚI NA*

Lê Văn Tấn*

1. Đặt vấn đề

Là một người tài cao, học rộng, từng đỗ Cử nhân, tam trường thi Hội, lại từng tham gia hoạn lộ trên dưới một năm, vậy mà Nguyễn Dữ lại sớm trở về với chốn lâm tuyền sống một cuộc đời ẩn dật. Đằng sau thái độ, hành động chối bỏ con đường nhập cuộc đó chắc hẳn là cả một quan điểm chính trị, một nhận thức, suy xét và một sự dự cảm sâu sắc về thời cuộc cũng như sự tự ý thức về hoàn cảnh cá nhân và thân phận của Nguyễn Dữ. Lấy văn học làm phương tiện ký thác, Nguyễn Dữ đã viết *Truyện kỳ mạn lục*, mà trong đó, thiên *Chuyện đối đáp của người tiêu phu ở núi Na* là một trong những sự thể hiện tiêu biểu và sáng rõ nhất cho điều đó.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong thiên truyện này, Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công nhân vật người tiêu phu ở núi Na - *người phát ngôn* cho Nguyễn Dữ về *quan điểm chính trị* và *lối sống ẩn dật* (lưu ý hình tượng Đạo nhân và hình tượng người ẩn dật là hệ thống nhân vật xuất hiện trong rất nhiều thiên khác của *Truyện kỳ mạn lục*)[†]. Ngay từ đầu, tác giả đã vẽ ra một không gian, một khung cảnh - môi trường hoạt động của nhân vật này là rừng núi, cao và sâu ở đất Thanh Hoá - nơi *trở về với cội nguồn* của danh nho Nguyễn Dữ: “*Đất Thanh Hoá phần nhiều là núi, bát ngát bao la đến mấy ngàn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái hang sâu, dài mà hẹp, hiểm trở mà quanh hiu, bụi trần không bén tới, chân người không bước tới*” [2,338]. Còn người tiêu phu thì: “*Hàng ngày, trong động có người tiêu phu gánh củi đi ra, đem đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già, trẻ con dưới đồng bằng lại nói những chuyện trồng dâu, trồng gai một cách vui vẻ*”

* NCS. – Trường ĐHSP Hà Nội

[†] Xin xem thêm Lê Văn Tấn, “*Truyện kỳ mạn lục*” và *sự thể hiện tư tưởng ẩn dật của Nguyễn Dữ*”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 2/2006, Tr.27 - 35.

[2,338]. Như vậy, người tiều phu được khắc họa ở đây là một người sống ẩn dật, lầy chón lằm tuyền làm nơi sinh sống, vui thú, không mưu cầu danh lợi, của cải và quyền vị. Cố nhiên, Nguyễn Dữ rất duy vật ở chỗ là vẫn để người tiều phu được no đủ ở mức độ tối thiểu “*cốt được no say*”. Bởi rõ là có như thế, con người ta mới có thể tồn tại được, mới có thể giữ được tấm thân khỏe mạnh, mới có thể nghĩ và làm được những việc khác. Đây là lôgic khách quan để dẫn tới hệ quả tất yếu: người tiều phu sẽ tình cờ mà tiếp chuyện với Trương công - cơ hội để con người này bộc lộ những tâm sự sâu kín mà bấy nay chưa có điều kiện nói ra.

2.1. Quan điểm chính trị của Nguyễn Dữ

Đầu tiên, khi người tiều phu nghe Trương công bày tỏ việc ông ta phụng mệnh quân vương tuyên triệu mình về cộng tác, người tiều phu đã từ chối “*có biết gì đâu ở ngoài đó là triều đại nào, vua quan nào?*”. Sau đó, mời Trương công ở lại thết đãi và chuyện trò nhưng người tiều phu cố tình tránh mọi chuyện liên quan tới triều chính.

Khi Trương công mời lần thứ hai:

“- *Những bậc quân tử đời xưa, không phải là không muốn giúp đời hành đạo; khi ẩn kín một chỗ, chỉ còn là đợi giá mà thôi. Cho nên tất có bức tiểu tượng đi tìm, rồi sau đồng Thương mới thấm nước, tất có hậu xa đi chờ, rồi sau nội Mục mới thành công. Nay phu tử lấy tấm thân vàng ngọc, ôm một bọc kinh luân, vùi lấp tiếng tăm trong đám người đánh cá hái củi, giấu tài giúp vua cứu dân, nấu mình chón rừng suối, vang tiếng đến cứu trùng; đốt nón lá, xé áo toi, nay chính là đến lúc rồi đó. Dám xin bỏ bờ đập Phó Nham, ném cần câu sông Vị, đừng để uống hoài khát vọng của bao kẻ thương sinh.*” [2,346], thì người tiều phu đã bày tỏ mình là người kém tài không thể tham gia quan trường - thật ra đó là một cách biện hộ của con người này mà thôi. Bởi chúng tôi nghĩ rằng, một khi người tiều phu đã nhận thức được vấn đề “*nếu lại còn tham cầu những cái ở ngoài phận mình*” thì đằng sau đó cũng là thái độ những gì mình đang có chưa phải là tất cả với mình, chưa xứng với tầm vóc của mình. Rõ ràng người tiều phu hay Nguyễn Dữ đã bộc lộ một thái độ vừa khiêm tốn, lại vừa rất cao ngạo - cái cao ngạo ẩn bên trong của một con người tài cao, học rộng, tâm huyết thấm vùi với thế tình mà không được thi thố. Người tiều phu không hợp tác với triều đại lúc đó là do nhận thức chủ quan của ông ta về triều đại và thời thế. Quan trọng hơn có lẽ là sự dự cảm của người tiều phu về sự phát triển của xã hội, của triều

đại và vị trí của bản thân sẽ ra sao nếu theo đuổi hoạn lộ. Không thoả mãn và bất lợi cho ông ta? Chứ lí do mà Trương công đưa ra thuyết phục, theo chúng tôi là rất thấu tình đạt lí: làm quan - trước là cho mình (câu *Thương thân như thể thương người* là biện chứng và cao cả hơn về mặt lý tưởng cũng như hiện thực so với câu *Thương người như thể thương thân*?!), với những nhu cầu rất chính đáng, rất thực tế. Làm quan, cộng tác với triều chính là để mưu cầu danh tiếng và của cải vật chất, tất nhiên với nghĩa trong sáng nhất của những từ này; sau đó là ước nguyện, là lý tưởng khát vọng giúp người, giúp đời, nhân dân, đất nước. Chỗ này K. Mác có nói đại ý: đi hết cái cá nhân ta sẽ bắt gặp cái xã hội. Con đường của nhiều nhân cách thời trung đại là vậy chăng?

Lần thứ ba, Trương công lại tiếp tục khẳng định, tiếp tục nhấn mạnh đến lý tưởng “trí quân trạch dân” của người quân tử và nhắc nhở người tiều phu về cơ hội làm việc, cơ hội thi thố tài năng:

“Nhưng nếu còn để ý chút nào đến đám dân chúng, mà bỏ lỡ dịp này không ra thì tôi sợ rằng sẽ mục nát cùng cỏ cây, không bao giờ lại có dịp gặp gỡ hay này nữa” [2,326-247].

Trương công đã động chạm tới một vấn đề cực kì nhạy cảm, một vấn đề muôn thuở của con người: *thời gian đời người* và *cơ hội thi thố*. Đúng là con người ta chỉ xuất hiện duy nhất một lần trên cõi đời này. Dù có 100 năm cũng chỉ là một ánh chớp, một thoáng chốc trong cõi vô thường, trong chảy trôi, trôi chảy của thời gian vốn vô thủy vô chung. Con người thì hữu hạn trong cái vô hạn ấy nên cần làm việc ngay từ giây phút này, cần sống hết cho mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm để thời gian qua đi không vô ích. Còn cơ hội? Nó không đến nhiều lần với một con người. Không tranh thủ nắm bắt lấy nó thì một đời người quả cũng là “*mục nát cùng cỏ cây*” mà thôi. Đây chính là vấn đề mà người tiều phu ý thức được rất rõ, nay lại *được* (hay *bị*?) Trương công nhắc lại một lần nữa. Cảm giác sợ hãi đã ập đến với người tiều phu:

“Tiều phu biến sắc nói:

- Như lời ông nói, hoá chẳng phải là khoe khoang quá khiến cho người nghe phát thẹn thùng sao! Vả vị vua nghị trị bây giờ có phải họ Hồ không?” [2,247]

Đến đây, người tiều phu đành phải bày tỏ thành thực quan điểm chính trị của mình về triều đại cụ thể đương thời. Và đó chính là căn nguyên của việc người tiều phu - Nguyễn Dữ chọn lối bất hợp tác, tìm về sống nhàn dật suốt cuộc đời (trước đó mọi lí do đưa ra chỉ là sự biền hộ, là cái có không khả dĩ thuyết phục):

“Ta nay chân không bước đến thị thành, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bấy giờ là người thế nào. Ông ấy thường đối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhai; phao phi gấm là, vung vãi châu ngọc, dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền như đất bùn,... kẻ dâng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng; lòng dân động lay,... còn ngoài ra phi là đồ tham tiền thì là đồ nát rượu; phi là đồ chỉ lấy yên vui làm thích thì là đồ lấy vị mà khuynh loát nhau; chứ chưa thấy ai biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân chúng cả.” [2,347-348].

Và đây là một nhận thức, vừa rất cao đạo, vừa rất tinh táo, duy vật cấp tiến của người tiều phu (cố nhiên có thể là cực đoan):

“Ta không thể đem hòn ngọc Côn Sơn cho nó cháy trong ngọn lửa Côn Sơn được” [2,348].

Nhận thức chính trị của người tiều phu có thể ở một mặt nào đó là cực đoan, thái quá; song có thể thấy rằng hiện thực xã hội Việt Nam, hiện thực triều chính, vua quan đương thời đã dội một luồng nhận thức như vậy trong hàng ngũ Nho sĩ. Sự thay đổi quá đột ngột của xã hội khiến cho các nho sĩ còn mang trong lòng tâm trạng hoài cổ về một vương triều cũ gác mũ từ quan. Nguyễn Dữ thuộc số những nho sĩ đó nên thái độ của ông ở đây, được kí dụ qua hình tượng người tiều phu là hoàn toàn có thể hiểu và chia sẻ được. Nếu đó là một nhận thức hay một hành động chưa thấu tình đạt lí như cách đánh giá của một số nhà nghiên cứu, thì theo người viết bài này là do hạn chế chung của lịch sử chứ bản thân Nguyễn Dữ đã cố gắng đi hết khả năng của mình rồi. Nguyễn Dữ có thể không là típ người làm được cái việc trước đó Nguyễn Phi Khanh hay Nguyễn Trãi đã làm được? Nên đòi hỏi một thái độ khác, một hành động, một lối ứng xử khác, theo chúng tôi là phi lịch sử - cụ thể. Mà xét cho đến cùng thì phải thừa nhận là, *trong mỗi một hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể và trong mỗi một hoàn cảnh cá nhân, thế tạng và căn cốt mỗi một con người sẽ quy định nên những kiểu lựa chọn khác*

nhau. Không thể đòi hỏi sự lựa chọn giống nhau ở họ được. Kể cả đến những nhà Nho rất gần gũi với Nguyễn Dữ về mặt *loại hình nhân cách* thì tính dị biệt về quan điểm chính trị, tư tưởng và lối sống ẩn dật vẫn có thể thấy khá rõ. Chúng tôi muốn nhắc đến 3 trường hợp tiêu biểu là: Nguyễn Húc ở thế kỷ XV, Nguyễn Hăng cùng thời và Nguyễn Huy Vinh ở nửa đầu thế kỷ XIX.

2.2. Lối sống ẩn dật của Nguyễn Dữ

Điều tuyệt diệu nhất, theo suy nghĩ của chúng tôi về Nguyễn Dữ so với các nhà Nho ẩn dật khác thời trung đại như Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi, Ngô Thế Lân hay Nguyễn Khuyên chính là: *từ sự bất đắc chí, bất hợp tác với triều đại đương thời, Nguyễn Dữ đã nhanh chóng chuyển ẩn dật trở thành một lẽ sống, một lối sống, một cách thế sống của ông*. (Chúng tôi không muốn nhắc đến 3 nhà Nho ẩn dật khác là Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Thiếp vì kiểu lựa chọn cuộc đời và lối sống ẩn dật của họ rất đặc biệt, chúng tôi sẽ bàn đến trong một dịp khác). Và ở đây, danh Nho Nguyễn Dữ khá thoả mãn, yên tâm và yên tĩnh với lối sống đó cho đến suốt cuộc đời. Sáng tác của ông theo đó mà không mang cái cảm xúc dằn vặt đến đớn đau, khắc khoải, không mang tâm trạng lưỡng lự giữa sự ở và về, về sự lựa chọn cuộc đời mãi mãi chẳng bao giờ xong xuôi như một số nhà Nho đã nêu ở phía trên.

Và Nguyễn Dữ chính là một trong số ít nho sĩ ẩn dật phát biểu và mô tả khá trực diện về đặc điểm lối sống ẩn dật của mình.

Ở thiên truyện này, người tiều phu trong khi đối đáp với Trương công đã hé lộ:

“- Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông lão già lánh bụi, gửi tính mệnh ở lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng; ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quán bên ta là tuyết gió trắng hoa; chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây ngủ khói; mức khe mà uống, bới núi mà ăn.” [2,345].

Cái chất ẩn sĩ ở người tiều phu đã chảy trong huyết quản, ngấm vào căn cốt của ông ta. Người tiều phu rất tự hào về cuộc sống này của mình, từ trong vóc dáng: *“Hát rồi phát áo đi thẳng. Hán Thương đoán chắc là một vị ẩn sĩ... theo gần đến nơi thì thấy người ấy đã rảo bước vào động, chỉ thấy cười mây lách*

khói, đi trong khoảng cành tùng khóm trúc...” [2,340]; đến trong lời ca cùng lâm tuyền sơn khê:

“*Cây xanh xanh
 Khói mờ mịn
 Nước tuôn tràn.
 Sáng chừ ta ra đi
 Chiều chừ ta về ngàn.
 Áo ta mặc chừ sẵn đây cây lá
 Cổ ta đeo chừ nào chuỗi cỏ lan
 Núi phơi xanh chừ bình phong sương sớm
 Ruộng chài biếc chừ gói thác chon von...
 Mặc ai phó phờng
 Nước non riêng chiếm, bụi đường không vương...” [2,340]*

Quả là người ẩn dật ở đây đã mang dáng dấp là một đạo sĩ đặc đạo (sản phẩm của văn học chịu ảnh hưởng tư tưởng Đạo gia - đây cũng là *điểm tựa về mặt tư tưởng, tinh thần* cho Nho sĩ ẩn dật khi mà Nho lí không giải quyết hết cho họ về mặt tinh thần khi họ bế tắc trên con đường hoạn lộ), như một vị tiên giáng trần đã hoà nhập tận cùng, đã tan loãng vào sương khói mây trời, sông suối, tan loãng vào cái vô cùng vô tận. Người tiều phu đã đạt tới trạng thái phi trạng thái, hình thù phi hình thù: “*Vô trạng chi trạng, vô tượng chi tượng*” [3,78-79] của Lão Tử - đó là cái nhi nhiên, bản thể, nguyên sơ, toàn vẹn của cõi vô thường. Không gian mang màu sắc huyền vi, thanh sạch, một sự đối lập giữa hai thể giới: *cội nguồn và thế tục, xuất thế với cuộc đời* nhiều nhường lúc đó. Thời gian thực tại mà hoá thời gian của muôn năm trước, của ngàn năm sau, của khoảnh khắc mà hóa vĩnh viễn, như chảy trôi, như ngưng đọng, như một, tựa muôn, mãi mãi... Ở hướng này, không gian núi rừng Thanh Hoá với đặc điểm vừa thanh bình đẹp đẽ, vừa rất khó khăn hiểm trở - môi trường sống ẩn dật của Nguyễn Dữ có giá trị như là *điểm nhìn nghệ thuật đầu tiên và cuối cùng* (nơi bắt đầu, đồng thời là nơi trở về) đối với tác giả. Chọn không gian này là rất phù hợp với cá tính, căn cốt Nguyễn Dữ, hơn nữa, thể loại truyền kỳ là một thể loại khá phóng túng nên theo chúng tôi nó rất phù hợp cho người ẩn dật. Ở đây là nó giúp cho Nguyễn Dữ thể hiện tư tưởng, lối sống và bày tỏ những tâm sự thể tình của mình. Đây là một đặc điểm và là một thành công rất cơ bản về mặt nghệ thuật của thiên truyện này.

Đặc biệt hai bài thơ *Thích ngủ* và *Thích cờ* khắc trên vách đá được coi như là tuyên ngôn về lối sống của người tiểu phu, nó khắc hoạ nên *chân dung* (cả về bề ngoài và tâm hồn) của *Nho sĩ ẩn dật*. Hai bài thơ viết theo thể tự do, với bút pháp lãng mạn và phóng khoáng tự cốt cách, khí khái phóng túng của người ẩn dật:

*“Thích gì? Ta thích ngủ thôi
 Vì chung ngủ được trong người sờn sang
 Nhân duyên xe chặt giường màn
 Trúc mai rừng suối muôn vàn cảnh thanh
 Quanh mình bạn đổ hâu xanh....”*

“Thích ngủ”

*“Thích gì? Ta thích cờ thôi
 Gió mây biến hoá ai ôi lạ lùng...
 Ngày vui thời khắc êm đưa
 Trăng tà hương lạnh trúc ngơ ngẩn cành.”*

“Thích cờ” [2,342-344]

Bày tỏ hai sở thích này, Nguyễn Dữ vẽ ra một khung cảnh, một môi trường hoạt động của người tiểu phu là không gian, là thời gian mang đậm không khí chốn lâm tuyền: có trúc, có mai, có trăng, nước, có chén rượu, có cuộc cờ... Nhân vật trữ tình trong bài ca sống một cách tự do thích chí, không màng danh lợi, lấy gió trăng, vượn hạc làm bầu bạn - một sự hoà nhập tối đa vào thiên nhiên. Đi về trong giấc ngủ, trong cuộc cờ của con người này, ngoài thiên nhiên là hình ảnh của những Trương giang, Đào Bành Trạch, Châu Hoàng, lầu Trúc... - những địa danh và con người tiêu biểu cho lối sống ẩn dật của Nho sĩ một thời. Điều như một sự biện lí, lại như một sự tương tác, gặp gỡ của những nhân cách theo dòng trôi chảy thời gian, khi sự ngăn cách không - thời gian địa lí đã không còn có ý nghĩa gì nữa. Người tiểu phu ở núi Na (hay Nguyễn Dữ?) qua hai bài ca đã đạt tới trạng thái an nhiên, tự tại, ung dung, vượt lên trên những dị nghị khen chê của thiên hạ:

*“Chê khen ai bảo thế nào:
 Đồ lười biếng, bậc thanh cao, mặc lòng”*

để mãi mãi:

*“Trong khi vui nước cờ hay
 Thêm đàn, thêm rượu, thêm đầy vách thơ”*

3. Kết luận

Chúng tôi đánh giá rất cao thiên *Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na* vì ông đã xây dựng thành công hình tượng người tiều phu - *phát ngôn viên* cho quan điểm chính trị và thể hiện sáng rõ lối sống ẩn dật của mình. Một số nhà nghiên cứu cho đây không phải là nội dung chính, chủ đạo và cho rằng điều đó là tiêu cực thoát li trong tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục* - điều này đúng, song không hoàn toàn. Bởi công bằng mà xét thì đây chính là một nội dung có giá trị to lớn với nhà văn khi chấp bút, ở hai phương diện: Nguyễn Dữ tự do và an toàn khi phát biểu quan điểm chính trị, lên án tố cáo mạnh mẽ hiện thực đương thời và tạo thế đứng điểm nhìn nghệ thuật, chi phối việc xây dựng hình tượng trong *Truyện kỳ mạn lục*. Và ở đây, *Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na* chính là một phương cách cụ thể giúp nhà văn thể hiện được hai phương diện chúng tôi vừa nói ở phía trên. Đây chính là sự thành công rất đáng chú ý của thiên truyện này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Bùi Duy Tân (1999), “*Truyện kỳ mạn lục*” - một thành tựu của truyện kí văn học viết bằng chữ Hán”, *Khảo và luận một số tác gia tác phẩm văn học trung đại*, tập1, Nxb.Giáo dục, Hà Nội, tr.372-408.
- [2]. Cù Hựu - Nguyễn Dữ (1999), *Tiến đặng tân thoại - Truyện kỳ mạn lục* (Phạm Tú Châu, Trúc Khê Ngô Văn Triện và Trần Thị Băng Thanh biên dịch, giới thiệu và chỉnh lý), Nxb.Văn học, Hà Nội.
- [3]. Lão Tử (2001), *Đạo đức kinh* (Thu Giang; Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú), Nxb.Văn học, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Phạm Hùng (2003), “*Tìm hiểu khuynh hướng sáng tác trong Truyện kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ*”, *Văn học trung đại - Những công trình nghiên cứu*, tái bản lần 2, Nxb.Giáo dục, Hà Nội, tr.112-123.
- [5]. Trang Tử (2001), *Nam Hoa kinh* (Nhượng Tống dịch), Nxb.Văn học - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [6]. Vũ Thanh (1999), “*Những biến đổi của yếu tố kỳ và thực trong truyện ngắn truyền kỳ Việt Nam*”, *Tuyển tập 40 năm Tạp chí văn học*, tập 2, Nxb.TP HCM, tr.545 - 554.

Tóm tắt**Quan điểm chính trị và lối sống ẩn dật của Nguyễn Dữ qua
Chuyện đối đáp của người tiều ở núi Na**

Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na là thiên truyện thể hiện sáng rõ nhất quan điểm chính trị cũng như tư tưởng, lối sống ẩn dật của danh Nho Nguyễn Dữ. Bài viết đã căn cứ vào cuộc đối đáp của người tiều phu ở núi Na với nhân vật Trương công và hai bài ca *Thích ngủ*, *Thích cò* để làm sáng tỏ các vấn đề đó. Chúng tôi coi đây là nội dung khá đặc biệt của thiên truyện này nói riêng, của *Truyện kỳ mạn lục* nói chung so với sáng tác của các nho sĩ ẩn dật Việt Nam khác thời trung đại.

Abstract**Nguyen Du's political attitudes and seclusion life through short story****"The conversation of Tieu phu in Na moutain"**

Chuyen doi dap của người tiều phu ở núi Na (The conversation of Tieu phu in Na moutainis) is the story which best shows up the best Nguyen Du's political attitudes, his thoughts as well as his seclusion life. In order to shed light on those matters, The article is written basing on the conversation between two characters, Tieu phu in Na mountain and Trương công and on the two poems *Thich ngu*, *Thich co*. We regard it as one of special contents of this story in particular and of *Truyen ky mạn lục* in ganeral in comparison with the other Vietnamese confucian scholars' works in the Middle Ages.